TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 27/01/2021
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chiêu Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Triệu Khánh Long
2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Anh Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Đêm - Kiểm sát viên.

Ngày 27/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 288/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/01/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Tuyết P**, sinh năm 1980; địa chỉ: đường Phan Văn Khỏe, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Lâm T**, sinh năm 1976; địa chỉ: khóm A, phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2020 (BL 23); biên bản lấy lời khai ngày 04/11/2020 (BL 03) cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Tuyết P trình bày: Vào năm 2002 chị Huỳnh Tuyết P và anh Lâm T chung sống với nhau như vợ chồng và có đi đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/12/2002, thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc, đến năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh Nều mâu thuẫn, do bất đồng trong quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã với nhau và hai vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 3 năm 2020 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống với nhau có con 02 chung tên Lâm Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 01/10/2004 (nữ); Lâm Huỳnh Quốc T2, sinh ngày 24/8/2012 (nam) hiện các cháu đang sống cùng chị P; Về sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, nợ chung không có.

Nay chị P nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, hạnh phúc hôn nhân tan vỡ không thể hàn gắn được. Do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn với anh T; Về con chung tùy nguyện vọng của các cháu Lâm Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 01/10/2004 (nữ); Lâm Huỳnh Quốc T2, sinh ngày 24/8/2012 (nam) muốn sống với cha hay với mẹ thì người đó nuôi dưỡng, nếu các cháu muốn sống với chị P thì chị P đồng ý nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T, nhưng anh T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị P, đồng thời anh T cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy Nên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh T, giao con chung là cháu Lâm Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 01/10/2004 (nữ); Lâm Huỳnh Quốc T2, sinh ngày 24/8/2012 (nam) cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng và cũng theo nguyện vọng của cháu N, cháu T2 nếu cha mẹ không còn sống chung với nhau thì cháu N và cháu T2 có nguyện vọng sống với mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho anh T, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, chị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị P và anh T theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Tuyết P, nhận thấy hôn nhân của chị P và anh T là tự tìm hiểu và đến với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/12/2002. Quan hệ hôn nhân của chị P và anh T không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân

hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng ý kiến thường xảy ra mâu thuẫn với nhau. Chị P nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên có nguyện vọng ly hôn. Chị P và anh T đã không còn chung sống từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau chị P và anh T có 02 người con chung tên Lâm Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 01/10/2004 (nữ); Lâm Huỳnh Quốc T2, sinh ngày 24/8/2012 (nam) tùy nguyện vọng của các cháu N, T2 muốn sống với cha hay với mẹ thì người đó nuôi dưỡng, nếu các cháu sống với chị P, chị P đồng ý nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con và ý kiến của cháu N, cháu T2, nếu cha mẹ không sống chung với nhau, cháu N, cháu T2 có nguyện vọng sống chung với chị P. Để đảm bảo cuộc sống của các cháu N, T2 không bị xáo trộn, để các cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Lâm Huỳnh Ngọc N và Lâm Huỳnh Quốc T2 cho chị P nuôi dưỡng. Xét thấy, chị P hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị P khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị P khẳng định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Tuyết P với bị đơn anh Lâm T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Tuyết P được ly hôn với anh Lâm T.

- Về con chung: Giao con chung Lâm Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 01/10/2004 (nữ); Lâm Huỳnh Quốc T2, sinh ngày 24/8/2012 (nam) cho chị Huỳnh Tuyết P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu N, T2 đủ 18 tuổi.

Anh Lâm T không phải cấp dưỡng nuôi con, anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Huỳnh Ngọc N, Lâm Huỳnh Quốc T2 của chị Huỳnh Tuyết P thì chị P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Chị P khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị P khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Tuyết P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền ứng án phí chị P đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0006379 ngày 15/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị P đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Anh Lâm T không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã VC;
- Đương sự;
- UBND phường A, QB, TPHCM;
- Chị cục THADS thị xã VC;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chiêu Hùng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- UBND phường 13, Q5, TPHCM;
- Chị cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chiêu Hùng